

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 4 năm 2019
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông N Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quốc
2. Bà N Kim Lên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 191/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Hồ Trọng N** – sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: **Chị Nguyễn Hồng G** – sinh năm 1997. Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau

Tại phiên tòa, anh N, chị G có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, anh Hồ Trọng N trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị G sống chung năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên anh yêu cầu ly hôn với chị G.

Về con chung: Thời gian chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, chị N Hồng Ghi trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh N kết hôn năm 2018, hôn nhân do chị tự nguyện không ép buộc nhưng không có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn, có tổ chức hôn lễ, không có đăng ký kết theo quy định pháp luật. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau. Hiện chị không có tình cảm với anh N, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không có tình yêu với anh N nên chị đồng ý ly hôn với anh N.

Về con chung: Thời gian chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn chị G có nơi trú tại khóm 5, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị G. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh N là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự anh N là nguyên đơn, chị G là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Năm 2018, anh N và chị G tổ chức hôn lễ là tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không có cơ sở công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh N và chị G. Anh chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị G thống nhất với yêu cầu của anh N, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tại phiên tòa, anh N xác định không còn

tình cảm vợ chồng với chị G và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với chị G. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh N được ly hôn với chị G.

[3] Về con chung: Anh N và chị G xác định không có nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh N và chị G xác định không có nên không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh N phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị G không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 19; Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Trọng N về việc yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Hồng G.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hồ Trọng N và chị Nguyễn Hồng G.

2. Về án phí: Anh Hồ Trọng N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Anh Hồ Trọng N có nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002873 ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ, anh Hồ Trọng N không phải nộp tiếp.

Án xử công khai, anh Hồ Trọng N, chị Nguyễn Hồng G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Hợp